

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/3/2024

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang.

Ông Nguyễn Đức Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc: "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Luyện H, sinh ngày 02/3/1993.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số A, phố N, khu F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện tại: Nhật Bản.

Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968. ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số F A, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Như T, sinh ngày 28/5/1992,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số F A, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện tại: Nhật Bản.

(Các đương sự vắng mặt và đều nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Phạm Thị Luyện H trình bày: Chị và anh Nguyễn Như T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 30/12/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, bất đồng trong làm ăn kinh tế. Tháng 11/2019 chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, tháng 12/2020 chị đi lao động tại Nhật Bản và được biết anh T cũng lao động ở Nhật Bản nhưng anh chị không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Như T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Nhật Bản nên chị ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H1 thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Bà Nguyễn Thị H1 (là mẹ đẻ anh T) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L H

ly hôn anh Nguyễn Như T. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Luyến H hiện đang sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Nguyễn Như T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở số F A, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương, hiện anh T đang lao động tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà H1 là mẹ đẻ anh T để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà H1 vẫn liên lạc với anh T và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Luyến H và anh Nguyễn Như T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 30/12/2016 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất đồng về kinh tế, năm 2019 chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, năm 2020 chị đi lao động tại Nhật Bản, mặc dù anh T cũng ở Nhật Bản nhưng vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T. Thông qua gia đình anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T cùng xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị Luyến H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Luyến H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L H ly hôn anh Nguyễn Như T.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Luyến H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000389 ngày 03/01/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do bà Nguyễn Thị H1 nộp thay). Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Luyến H và anh Nguyễn Như T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường